

Bản án số: 494/2021/HS-PT
Ngày 10/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long
Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 524/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Trương Thị Kiều T và bị cáo Nguyễn Công Đ, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ TRƯƠNG THỊ KIỀU T, (tên thường gọi T) sinh ngày 25/10/1999 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký NKTT: tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú trước khi phạm tội: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Đình C và bà Lê Thị Thu T (*Đều còn sống*); Có chồng là Lê Văn Thiện T (*sống ly thân*), và có 01 con chung (*sinh năm 2017*).

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 12/3/2021. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2/ NGUYỄN CÔNG Đ, sinh ngày 26/06/2002 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú trước khi phạm tội: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Kim C (*còn sống*) và bà Lê Thị P (*chết*); chưa có vợ, con;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 12/3/2021. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ *Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Kiều T:*

1. Ông Nguyễn Tấn B, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có đơn xin hoãn phiên tòa.

2. Ông Ngô Văn D, Luật sư thuộc Chi nhánh văn phòng luật sư Đ. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công Đ*: Ông Bùi Xuân N, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 12/3/2021, tại trạm số 2 khu vực bến xe trung tâm thành phố Đà Nẵng (thành phố Đà Nẵng). Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện Nguyễn Công Đ đang có hành vi cầm ma túy trên tay nhằm mục đích đi bán cho người khác lấy tiền, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang;

* Tang vật tạm giữ gồm:

- 01 (một) hộp giấy màu cam KT (11x20x22)cm bên trong có chứa 04 (bốn) hộp giấy màu trắng KT (7x7x13)cm, bên trong mỗi hộp giấy đều chứa 01 (một) lọ nhựa màu trắng có đặc điểm hình dạng giống nhau, kích thước cao 11,5cm, đường kính 06cm, trong mỗi lọ đều chứa 500 (năm trăm) viên nén màu xanh hình ngũ giác (tổng cộng 2.000 viên) (Ký hiệu A); 01 (một) CMND số 197388365 cấp cho Nguyễn Công Đ; Số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng); 01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen, sim số: 0905062865; số seri: 353149111124150; 01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung màu hồng, sim số: 0987646045, 0788539312 số Imell: 358860086950958/01 và 01 (một) xe mô tô Air Blade màu đỏ, đen BKS: 92C1-383.71.

Vào lúc 18h ngày 12/3/2021, Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Công Đ tại thành phố Đà Nẵng.

* Tang vật tạm giữ gồm:

- 01 (một) lọ nhựa màu trắng cao 11,5cm, đường kính 06cm, bên trong chứa 45 (bốn mươi lăm) viên nén màu xanh hình ngũ giác (Ký hiệu B1); 01 (một) gói ni lông màu trắng KT (7x10,5)cm bên trong chứa 100 (một trăm) viên nén màu xanh hình ngũ giác (Ký hiệu B1); 01 (một) gói ni lông màu trắng KT (7x10,5)cm bên trong chứa 73 (bảy mươi ba) viên nén màu xanh hình ngũ giác (Ký hiệu B1); 01 (một) hộp giấy màu trắng KT (7x7x13)cm bên trong chứa 01 (một) lọ nhựa màu trắng cao 11,5cm, đường kính 06cm, bên trong chứa 486 (bốn trăm tám mươi sáu) viên nén màu xanh hình ngũ giác (Ký hiệu B1); 02 (hai) gói ni lông màu trắng KT (7x10,5)cm bên trong chứa các tinh thể rắn màu

trắng (Ký hiệu B2); 01 (một) gói ni lông màu trắng KT (7x10,5)cm bên trong chứa 11 (mười một) gói màu trắng gồm: 03 (ba) gói KT (4x4)cm bên trong chứa các tinh thể rắn màu trắng và 08 (tám) gói KT (2x2,5)cm bên trong chứa các tinh thể rắn màu trắng (Ký hiệu B2); 50 (năm mươi) gói ni lông màu trắng KT (2x2,5)cm chưa qua sử dụng; 30 (ba mươi) gói ni lông màu trắng KT (4x4)cm chưa qua sử dụng; 30 (ba mươi) gói ni lông màu trắng KT (5x8,5)cm chưa qua sử dụng; 01 (một) cân điện tử màu đen; 01 (một) cân điện tử màu trắng và số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng);

Vào lúc 19 giờ 35 phút ngày 12/03/2021 Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trương Thị Kiều T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tang vật tạm giữ gồm: 01 (một) ĐTDĐ màu xanh, sim số: 0777777952, số Imei1: 356732117511228; số Imei2: 356732117313302; 01 (một) túi xách màu cam và số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Vào lúc 21 giờ 00 phút ngày 12/03/2021 Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Thị Kiều T tại thành phố Đà Nẵng;

Tang vật tạm giữ gồm: 01(một) CMND số 197401810 cấp cho Trương Thị Kiều T; 01 (một) thẻ V cấp cho Trương Thị Kiều T; số tiền: 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và 01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen, sim số: 0964234777, số seri: 353161115070339;

Quá trình điều tra xác định được:

Trong khoảng thời gian từ ngày 09/3/2021 đến ngày 12/3/2021, thông qua mối quan hệ xã hội, Trương Thị Kiều T, Nguyễn Công Đ hai lần mua ma túy của đối tượng tên V (không rõ nhân thân lai lịch) ở tỉnh Quảng trị để bán lại cho nhiều đối tượng khác (không rõ nhân thân lai lịch) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm mục đích kiếm lời, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 09/3/2021, T liên hệ với đối tượng tên V hỏi mua 1.400 (một ngàn bốn trăm) viên thuốc lắc và 200 (hai trăm) gam ma túy Ketamine, hai bên thỏa thuận giá 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và hẹn giao ma túy tại bến xe Đà Nẵng. T đưa số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) cho một đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) người của V tại đường Phạm văn Đồng, thành phố Đà Nẵng, sau đó V gửi ma túy cho T qua nhà xe H tuyến Quảng Bình - Đà Nẵng. Khi nhà xe H liên hệ nhận hàng thì T bảo Đ ra nhận ma túy, Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô BKS: 92C1-383.71 ra bến xe Đà Nẵng đến nhà xe H nhận 1.400 (một ngàn bốn trăm) viên thuốc lắc và 200 (hai trăm) gam ma túy Ketamine mang về (Phòng số 502 căn hộ E, tổ 17, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng) cất giấu.

Đến ngày 10/3/2021, có một đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) liên hệ với T hỏi mua 50 (năm mươi) viên thuốc lắc. Hai bên thỏa thuận giá mua 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và hẹn giao dịch tại trước số nhà 585 đường Trường Chinh, thành phố Đà Nẵng. Sau đó T bảo Đ mang ma túy đi giao, Đ

đồng ý, Đ điều khiển xe mô tô BKS: 92C1-383.71 đến điểm hẹn giao 50 (năm mươi) viên thuốc lắc và lấy số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Đến 12 giờ ngày 12/3/2021, có một đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) liên hệ với T hỏi mua 500 (năm trăm) viên thuốc lắc 01 (một) lạng Ketamine. Hai bên thỏa thuận giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và hẹn giao dịch tại khu vực huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau đó T bảo Đ mang ma túy đi giao, Đ đồng ý, Đ điều khiển xe mô tô BKS: 92C1-383.71 đến điểm hẹn giao 500 (năm trăm) viên thuốc lắc và 01 (một) lạng Ketamine và lấy số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). (T khai trước đó T có cho người này mượn 40.000.000 đồng nên đã yêu cầu người này trả cùng với số tiền mua ma túy).

Lần 2: Vào sáng ngày 12/3/2021, có một đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) liên hệ với T hỏi mua 2.000 (hai ngàn) viên thuốc lắc. Hai bên thỏa thuận giá 313.000.000đ (Ba trăm mười ba triệu đồng) và hẹn giao dịch tại trước số nhà 51 đường Trần Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng sau đó T liên hệ với V hỏi mua 2.000 (hai ngàn) viên thuốc lắc với giá 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và hẹn giao ma túy tại bến xe Đà Nẵng. Sau đó, V gửi ma túy cho T qua nhà xe H tuyến Quảng Bình - Đà Nẵng. Khi nhà xe H liên hệ nhận hàng thì T bảo Đ ra nhận ma túy rồi mang đến giao tại trước số nhà 51 đường T, thành phố Đà Nẵng lấy số tiền 313.000.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu đồng), Đ đồng ý, Đ điều khiển xe mô tô BKS: 92C1-383.71 ra bến xe Đà Nẵng đến nhà xe H nhận 2.000 (hai ngàn) viên thuốc lắc. Khi Đ nhận ma túy xong đang chuẩn bị mang số ma túy trên đi giao thì bị bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số: 73/GĐ-MT ngày 19/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Các viên nén màu xanh hình ngũ giác trong gói niêm phong (ký hiệu A, B1) gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu A: 876,86 gam; mẫu B1: 352,17 gam;

- Tinh thể rắn màu trắng trong mẫu (ký hiệu B2) gửi giám định là ma túy loại Ketamine, khối lượng tinh thể mẫu B2: 107,78 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

I. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trương Thị Kiều T và Nguyễn Công Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

II. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và 39 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trương Thị Kiều T** tù “Chung thân”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/3/2021.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Công Đ** tù “*Chung thân*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/3/2021.

III. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Phạt tiền bị cáo Trương Thị Kiều T **45.000.000 đồng** (*Bốn mươi lăm triệu đồng*); bị cáo Nguyễn Công Đ **20.000.000 đồng** (*Hai mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trương Thị Kiều T và Nguyễn Công Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trương Thị Kiều T và Nguyễn Công Đ.

+ Bị cáo Trương Thị Kiều T và Nguyễn Công Đ giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quyết định.

+ Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trương Thị Kiều T và Nguyễn Công Đ thống nhất về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, áp dụng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trương Thị Kiều T và Nguyễn Công Đ tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định về ma túy, cùng các tài liệu và chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Trong tháng 3 năm 2021, Trương Thị Kiều T, đã hai lần giao dịch với một đối tượng tên V (*không rõ nhân thân lai lịch*) ở tỉnh Quảng trị để mua ma túy với số lượng lớn; sau khi giao dịch, T giao cho Nguyễn Công Đ đi nhận ma túy và bán lại cho nhiều đối tượng khác (*không rõ nhân thân lai lịch*) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Trong khi thực hiện việc bán ma túy thì Đ bị lực lượng Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang, thu giữ tang vật có tổng khối lượng là: 1229,03 gam ma túy loại MDMA và 107,78 gam ma túy loại Ketamine. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách quản lý các chất ma túy của Nhà Nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục

Các bị cáo Trương Thị Kiều T và Nguyễn Công Đ phạm tội với số lượng 1229,03 gam ma túy loại MDMA và 107,78 gam ma túy loại Ketamine là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình và trường hợp phạm tội của các bị cáo là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, sau khi đánh giá tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án và xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự thú, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo T nuôi con còn nhỏ và gia đình các bị cáo là người có công cách mạng (*quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự*); Tòa án cấp sơ thẩm, quyết định xử phạt các bị cáo mức hình phạt chính là phạt tù “*Chung thân*” và hình phạt bổ sung đối với bị cáo T 45.000.000 đồng, bị cáo Đ 20.000.000 đồng là có căn cứ, không nặng và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Kiều T và Nguyễn Công Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và 39 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Trương Thị Kiều T** tù “*Chung thân*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/3/2021.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Công Đ** tù “*Chung thân*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/3/2021.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*).

Phạt tiền bị cáo Trương Thị Kiều T **45.000.000 đồng** (*Bốn mươi lăm triệu đồng*); bị cáo Nguyễn Công Đ **20.000.000 đồng** (*Hai mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Các bị cáo Trương Thị Kiều T, Nguyễn Công Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - CA TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Phòng HCTP; HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh